

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 -10-2021.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Dũng.

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã K, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thu B, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm K, thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12-4-2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Anh và chị Đỗ Thị Thu B trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu một thời gian, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12-5-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, anh và chị B sống chung với nhau được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị B không muốn tiếp tục sống chung với anh nên đã bỏ về nhà cha, mẹ đẻ

ở từ cuối năm 2020 cho đến nay, nhiều lần anh về nhà cha, mẹ chị B và nhờ cha, mẹ chị B tác động để chị B về tiếp tục chung sống với anh nhưng chị B dứt khoát không sống chung với anh nữa. Anh và chị B đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2020 cho đến nay phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Nay anh Đ xác định đời sống chung giữa anh và chị B không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị Thu B.

Về con chung: Anh và chị B không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh, chị.

* Bị đơn chị Đỗ Thị Thu B đã được Tòa án tổng đạt các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để Tòa án làm việc về nội dung trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, nhưng chị B không chấp hành, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa, nên không có ý kiến của bị đơn trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị Thu B; về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ trình bày không có nên không đặt ra xem xét; về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đỗ Thị Thu B; về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bị đơn chị Đỗ Thị Thu B có địa chỉ tại: Xóm K, thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đỗ Thị Thu B đã được Tòa án tổng đạt Thông báo

thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chị B vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa, chị B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị Thu B có tổ chức lễ cưới và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 12/5/2020 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị B là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo trình bày của anh Đ, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được 03 tháng nhưng không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống và chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh Đ và chị B không còn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị Thu B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ về việc “*Ly hôn*” đối với bị đơn chị Đỗ Thị Thu B.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị

Thu B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006978 ngày 15-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Kỳ, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Ân